TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 292/ 2023/HC-PT
Ngày: 25/8/2023
V/v "Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: ông **Trương Minh Tuấn**

ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên phiên tòa: bà **Dương Thị Tuyết Trinh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 142/2023/TLPT-HC ngày 27 tháng 6 năm 2023 về "*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2023/HC- ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2930/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: vợ chồng ông Đặng Quang Đ, sinh năm 1936 (có mặt) và bà Trần Thị Thu C, sinh năm 1939 (có đơn xin xét xử vắng mặt); địa chỉ cư trú: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Ông Đ có mặt, bà C xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Nguyên Ả, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh P. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Phòng Quản lý đô thị thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Đặng Quang Đ và bà Trần Thị Thu C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng vụ án, vợ chồng ông Đặng Quang Đ***, bà*** Trần Thị Thu C ***và người đại diện theo ủy quyền ông*** Đặng Nguyên Á ***trình bày:***

Nguồn gốc diện tích đất 279,6m^2 thuộc thửa 175, tờ bản đồ số 144-ĐC tọa lạc tại: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên do vợ chồng ông Đ, bà C tạo lập đã được UBND thị xã S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*) số AI 478093 ngày 10/4/2008 (BL 12-13). Thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A năm 2014, nhà đất vợ chồng ông Đ, bà C bị ảnh hưởng để giải phóng mặt bằng thi công dự án là 249,5m^2, còn lại 30,1m^2 không bị ảnh hưởng. Việc UBND thị xã S chỉ công nhận đủ điều kiện bồi thường 140m^2, đối với phần diện tích 139,6m^2 thì UBND thị xã S cho rằng là đất hành lang bảo vệ đường bộ do UBND phường X quản lý là không đúng thực tế. Vì đây là đất do vợ chồng ông Đ tạo lập từ nhận chuyển nhượng và khai hoang, các giấy tờ về nguồn gốc đất gồm: Giấy sang nhượng nhà ở lập ngày 01/9/1992 từ ông Nguyễn Tấn Q, ông Đỗ N; Đơn xin cất nhà ở ngày 12/5/1994 có xác nhận của Ban N1 ngày 23/5/1994 và UBND thị trấn S ngày 01/6/1994 (BL 32); Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2013/QĐST-DS ngày 22/4/2013 kèm Sơ đồ vị trí đất tranh chấp của TAND thị xã Sông Cầu (BL 10-11) và các Biên lai thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước đã cung cấp cho Tòa án (BL 18-29).

Bản án Hành chính sơ thẩm số 16/2019/HC-ST ngày 23/10/2019 của TAND tỉnh Phú Yên đã xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà C vì lý do đối tượng khởi kiện là các quyết định hành chính liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất của vợ chồng ông đã được

UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S thu hồi. Nhưng sau đó, UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S không giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi toàn bộ diện tích đất 279,6m^2 của vợ chồng ông, mặc dù đã thực hiện xong việc thu hồi đất để làm dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A năm 2014.

Nay vợ chồng ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C khởi kiện và khởi kiện bổ sung, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc UBND thị xã S lập thủ tục thu hồi, bồi thường bổ sung đối với diện tích 109,5m^2 (249,5m^2 - 140m^2) đã thu hồi để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ A theo quy định (không tính diện tích 30,1m^2);

- Buộc UBND thị xã S công nhận cho vợ chồng ông Đ được quyền sử dụng diện tích còn lại 30,1m^2 không bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ A năm 2014.

- Hủy Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thị xã S về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (*viết tắt là Quyết định 3821*).

- Hủy Quyết định số 3822/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thị xã S về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S về việc thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Quang Đ (*viết tắt là Quyết định 3822*).

- Hủy Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S (*viết tắt là Quyết định 2521*).

- Hủy Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định 2305/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S (*viết tắt là Quyết định 2522*).

Người bị kiện UBND thị xã S ***và Chủ tịch*** UBND thị xã S***, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:***

Thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A năm 2014, nhà đất vợ chồng ông Đ, bà C bị ảnh hưởng để giải phóng mặt bằng thi công dự án. Ngày 11/4/2014, Hội đồng xét duyệt phường X họp xét và xác định trong tổng diện tích đất bị ảnh hưởng bởi giải phóng mặt bằng tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 16 (bản đồ giải phóng mặt bằng) của vợ chồng ông Đ, bà C là 279,6m^2, nhưng chỉ đủ điều kiện công nhận bồi thường 140m^2, phần diện tích còn lại 139,6m^2 là đất hành lang bảo vệ đường bộ do UBND phường X quản lý.

Qua thẩm tra các tài liệu có liên quan đến nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất 139,6m^2 cho thấy diện tích đất này là đất hành lang bảo vệ đường bộ. Năm 1994, khi ông Đ, bà C có đơn xin khai thác diện tích đất này để làm nhà ở, UBND thị trấn S (nay là phường X) đã xác định: "Qua khảo sát thực tế vị trí xin khai thác nói trên, UBND thị trấn S xét thấy không thể giải quyết được.

Vì vị trí khai thác thuộc đất quy hoạch bảo vệ hành lang Quốc lộ A". Tại Biên bản xử lý lập ngày 12/4/1994 của UBND thị trấn S về việc xây dựng nhà ở trái phép đối với ông Đặng Quang Đ trên phần diện tích đất mà ông Đ xin khai thác, ông Đ đề nghị cho phép ông che tạm trại để cho con ông có chỗ làm nghề điện tử và cam kết "khi Nhà nước cần vào quy hoạch tôi tự nguyện tháo dỡ trả lại mặt bằng cho Nhà nước, không đền bù". Các tài liệu nêu trên đều thể hiện phần diện tích đất này là đất hành lang bảo vệ đường bộ do Nhà nước quản lý. Vì vậy, việc ông Đ, bà C yêu cầu bồi thường đối với diện tích đất 139,6m^2 là không có cơ sở pháp luật.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S ***trình bày:***

Vợ chồng ông Đ, bà C được UBND huyện S (nay là thị xã S) cấp GCNQSDĐ số AI 478093 ngày 10/4/2008, với diện tích 77m^2 , loại đất ở đô thị, thuộc thửa 175, tờ bản đồ 144-ĐC.

Về diện tích đất được bồi thường: vợ chồng ông Đ, bà C được bồi thường 140m^2, loại đất ở đô thị, phần diện tích đất còn lại 139,6m^2 do UBND phường X quản lý (theo biên bản họp xét của UBND phường X vào ngày 11/4/2014).

Vợ chồng ông Đ, bà C đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tổng cộng số tiền 496.464.000 đồng (trong đó: bồi thường đất ở 238.000.000 đồng, công trình vật kiến trúc 240.421.000 đồng, cây cối 1.243.000 đồng, hỗ trợ khác 16.800.000 đồng) và được nhận 02 lô đất tái định cư (BL 125).

Thống nhất ý kiến trình bày của người bị kiện UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S.

- UBND phường X***,*** thị xã S ***trình bày:***

Bản đồ 299/TTg: Sơ đồ thửa đất số 90, tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 1992: thửa đất của ông Đặng Quang Đ được tách từ thửa đất số 90, tờ bản đồ số 02. Thời kỳ này thửa đất của ông Đ chưa được thể hiện trên bản đồ.

Trang sổ dã ngoại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 02 đo đạc năm 1992 thể hiện diện tích 75.630m^2.

Bản đồ địa chính II: Sơ đồ thửa đất số 175, tờ bản đồ số 144-ĐC đo đạc năm 1998. Sổ dã ngoại thửa đất số 175, tờ bản đồ số 144-ĐC đo đạc năm 1998 thể hiện diện tích 215m^2, loại đất ruộng (T) đội sản xuất (LH Bắc), chủ sử dụng (UB);

Theo bản đồ GPMB dự án Quốc lộ A, diện tích thửa đất của ông Đ được đo vẽ tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 16 là 279,6m^2.

Trên cơ sở hồ sơ cấp GCNQSDĐ số AI 478093 ngày 10/4/2008, thửa đất số 175, tờ bản đồ só 144, diện tích 77m^2, loại đất ở đô thị và Giấy sang nhượng nhà ở của ông Nguyễn Tấn Q sang nhượng nhà ở cho ông Đ lập năm 1992. Ngày 11/4/2014, Hội đồng họp xét nguồn gốc đất phường X đã họp xét và thống nhất

công nhận bồi thường phần diện tích đất 140m^2. Không công nhận bồi thường đối với phần diện tích đất 139,6m^2 (279,6 -140), vì đây là đất hành lang bảo vệ đường bộ do UBND phường quản lý.

Tại thời điểm họp xét, hội đồng xác định phần diện tích 30,1m^2 nằm ngoài phạm vi GPMB đã được cấp GCNQSDĐ, nhưng do hình thể thửa đất không đều, có kích thước cạnh nhỏ, phía Bắc thửa đất giáp suối, phía Nam theo thiết kế có cống thoát nước. Mặt khác, thửa đất quá cao so với đường hiện trạng, không bảo đảm an toàn để sử dụng và xây dựng công trình. Do đó, hội đồng thống nhất đề nghị xem xét thu hồi phần diện tích 30,1m^2 và gia đình ông Đ đã được bồi thường phần diện tích đất này.

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh P***; Phòng Quản lý đô thị*** thị xã S***:*** quá trình tố tụng không tham gia, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà C.

- ***Chi nhánh*** Văn phòng đăng ký đất đai thị xã S***;*** Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã S***:*** Thống nhất ý kiến của người bị kiện UBND thị xã S và Chủ tịch UBND thị xã S.

Với những nội dung trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2023/HC-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; điểm e khoản 1 Điều 43, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C về các yêu cầu:

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã S thực hiện trình tự thủ tục bổ sung về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 109,5m^2 để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ A năm 2014;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã S công nhận cho vợ chồng ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C được quyền sử dụng diện tích 30,1m^2 không bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ A năm 2014;

- Hủy Quyết định 3821/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thị xã S về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Hủy Quyết định 3822/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thị xã S về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S về việc thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Quang Đ;

- Hủy Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S;

- Hủy Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định 2305/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S;

Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/02/2023 và ngày 30/3/2023, ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, lý do kháng cáo ông Đ, bà C cho rằng: việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà là không đúng pháp luật, chưa xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ khách quan trong vụ án làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình ông bà nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà C.

Tại phiên Toà phúc thẩm, ông Đ, bà C giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu như sau:

- Về tố tụng: tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: sau khi phân tích nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà, xem xét kháng cáo của ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, đây là phiên tòa lần thứ hai, không thuộc trường hợp hoãn phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét nguồn gốc và các thủ tục pháp lý liên quan thửa đất số 20, tờ bản đồ số 16 *(bản đồ giải phóng mặt bằng)*, xét thấy:

Về nguồn gốc đất: ông Đặng Quang Đ nhận chuyển nhượng nhà ở của ông Nguyễn Tấn Q theo giấy viết tay vào ngày 01/9/1992, diện tích đất 140m^2 (dài 20m, rộng 07m). Có giới cận: Bắc giáp đất ông Trần Văn L, Nam giáp đất ông Đỗ N, Đông giáp Quốc lộ A, Tây giáp núi. Quá trình sử dụng, ông Đ, bà C trình bày có khai phá thêm, thửa đất có diện tích 279,6m^2 nhưng khi thu hồi đất để thực hiện Dự án mở rộng đường Q vợ chồng ông Đ, bà C chỉ được bồi thường diện tích đất 140m^2, còn lại 109,5m^2 không được bồi thường và 30,1m^2 là diện tích đất còn lại không được Uỷ ban công nhận quyền sử dụng là làm thiệt hại cho vợ chồng ông, bà.

Xét thấy: Diện tích 139,6m^2 ông Đ, bà C yêu cầu bồi thường và công nhận quyền sử dụng, quá trình canh tác ông Đ bà C không xin phép, diện tích đất nói trên nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn giao thông, không có cơ sở bồi thường 109m^2 và công nhận quyền sử dụng 31m^2 còn lại cho ông Đ bà C. Tại Thông báo số 01/TB.UB ngày 17/01/1994 của UBND thị trấn S có nội dung…"*Thông báo cho hộ ông* Đặng Quang Đ*…có trách nhiệm…phải tháo dỡ, dọn dẹp: Nhà ở, tọa lạc tại* Quốc lộ A*; tình trạng vi phạm: Chiếm lề đường; yêu cầu giải tỏa toàn bộ"* (BL 71, BL 190).

Tại Đơn xin khai thác đất để làm nhà ở ngày 14/3/1994 của ông **Đặng Quang Đ** được **UBND thị trấn S** (*nay là* **phường X**) xác nhận ngày 18/3/1994, có nội dung "*Qua khảo sát thực tế vị trí xin khai thác nói trên* **UBND thị trấn S** *xét thấy không thể giải quyết được. Vì vị trí khai thác thuộc phạm vi đất quy hoạch bảo vệ hành lang* **Quốc lộ A**" (BL 30-31).

Quá trình sử dụng đất, ông Đặng Quang Đ đã nhiều lần bị Phòng Công nghiệp Sông Cầu và UBND thị trấn S lập Biên bản đình chỉ xây dựng và Biên bản xử lý về việc xây dựng nhà ở trái phép trên phần diện tích đất khai thác trái phép, ông Đ xin tạo điều kiện cho con ông che tạm trại để làm nghề điện tử, khi Nhà nước cần vào quy hoạch ông sẽ tự nguyện tháo dỡ trả lại mặt bằng cho Nhà nước, không yêu cầu đền bù (BL 74-75).

Đến ngày 10/4/2008 vợ chồng ông Đ, bà C được UBND huyện S *(nay là* thị xã S*)* cấp GCNQSD đất số AI 478093, diện tích 77m^2, thửa đất số 175, tờ bản đồ 144-ĐC, mục đích sử dụng đất: đất ở đô thị. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (BL 12).

Khi thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, hộ ông **Đ** đã được bồi thường, hỗ trợ với diện tích 140m^2, vợ chồng ông **Đ**, bà **C** đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và được nhận 02 lô đất tái định cư là đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông **Đ**, bà **C**.

[2.2]. Xem xét các Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, Quyết định số 3822/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 23/9/2022, Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của **UBND thị xã S**, xét thấy: về thời gian, **UBND thị xã S** đã để kéo dài vụ việc, gây bức xúc

cho người dân, Toà án cấp sơ thẩm đã kiến nghị rút kinh nghiệm; về nội dung: như nhận định đã nêu trên, về nguồn gốc đất ông **Đ**, bà **C** nhận chuyển nhượng diện tích đất 140m^2 (dài 20m, rộng 07m), được Nhà nước công nhận diện tích 77m^2, khi thu hồi đất và bồi thường, hộ ông **Đ** đã được bồi thường, hỗ trợ với diện tích 140m^2 và được nhận 02 lô đất tái định cư, phần đất còn lại là thuộc đất hành lang bảo vệ an toàn giao thông, khi còn nhà ở thì có thể sử dụng tạm nhưng sau khi giải tỏa là đất thuộc phạm vi Nhà nước quản lý, dự án mở rộng **Quốc lộ A** đã hoàn thành từ năm 2014-2015, **UBND thị xã S** không bồi thường, hỗ trợ và công nhận cho vợ chồng ông **Đ**, bà **C** đối với phần đất hành lang bảo vệ an toàn giao thông diện tích 139,5m^2 là đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, tại Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Đ**, bà **C** là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ kháng cáo của ông **Đ**, bà **C**, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3]. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí, chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm, ông **Đ**, bà **C** là người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của ông **Đặng Quang Đ**, bà **Trần Thị Thu C**. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2023/HC-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 43, Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003;

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông **Đặng Quang Đ**, bà **Trần Thị Thu C** về các yêu cầu:

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã S thực hiện trình tự, thủ tục bổ sung về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 109,5m^2 để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ A năm 2014;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã S công nhận cho vợ chồng ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C được quyền sử dụng diện tích 30,1m^2 không bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ A năm 2014;

- Hủy Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thị xã S về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Hủy Quyết định số 3822/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thị xã S về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S về việc thu hồi đất đối với hộ ông Đặng Quang Đ;

- Hủy Quyết định số 2521/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định 2304/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S;

- Hủy Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 26/6/2014 của UBND thị xã S;

Vì không có căn cứ pháp luật.

2. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí, chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vợ chồng ông Đặng Quang Đ, bà Trần Thị Thu C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi